

“THE SORROW OF WAR” OF BAO NINH FROM THE ARCHETYPAL PERSPECTIVE

Hoang Thi Thuy Duong

Ho Chi Minh University of Pedagogy, HCM City

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	14/02/2025	For the novel "The sorrow of war", writer Bao Ninh wrote about war by expressing the character's memories of the past war and the character's experiences after the war. With love for the country, love for life and kindness, the character overcame the hardships of war and the trauma left by war. This article uses the archetype criticism research method, analytical and synthetic research operations... to study the form and meaning of typical archetypes in the novel "The sorrow of war" by Bao Ninh. The research results show that typical archetypes in this novel include natural archetypes such as forest, water, night and social archetypes such as death, woman, dream, etc. These primordial symbols carry the original meaning in the myth and new meanings in modern times. These archetypes have contributed to helping the work "The sorrow of war" not only shows a perspective on the war of the Vietnamese people but also expresses the humane issues of humanity, infinite love for the human and evokes great sympathy in the hearts of readers. The results of the article contribute reference materials for research and teaching of Vietnamese literature after 1975 on post-war topics.
Revised:	04/4/2025	
Published:	04/4/2025	

KEYWORDS

War
Bao Ninh
Archetype
Nature
Society

“NỖI BUỒN CHIẾN TRANH” CỦA BẢO NINH TỪ GÓC NHÌN CỔ MẪU

Hoàng Thị Thùy Dương

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	14/02/2025	Đối với tiểu thuyết “Nỗi buồn chiến tranh”, nhà văn Bảo Ninh đã viết về chiến tranh bằng cách thể hiện kí ức của nhân vật về cuộc chiến đã qua và những trải nghiệm của nhân vật sau chiến tranh. Với tình yêu đất nước, tình yêu cuộc sống và lòng hướng thiện, nhân vật đã vượt qua những gian khổ của cuộc chiến tranh và những chấn thương do chiến tranh để lại. Bài báo này sử dụng phương pháp nghiên cứu phê bình cổ mẫu, các thao tác nghiên cứu phân tích, tổng hợp để tìm hiểu hình thái và ý nghĩa của các cổ mẫu tiêu biểu trong tiểu thuyết “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh. Kết quả nghiên cứu cho thấy các cổ mẫu tiêu biểu trong tiểu thuyết này bao gồm các cổ mẫu tự nhiên như rừng, nước, bóng đêm và các cổ mẫu xã hội như cái chết, người nữ, mộng. Các biểu tượng nguyên sơ này vừa mang những nét nghĩa gốc trong huyền thoại vừa mang những nét nghĩa mới của thời hiện đại. Các cổ mẫu này đã góp phần giúp tác phẩm “Nỗi buồn chiến tranh” không chỉ thể hiện một góc nhìn về cuộc chiến tranh của dân tộc Việt Nam mà còn thể hiện những vấn đề nhân bản của loài người, tình thương vô hạn dành cho con người và khơi gợi sự đồng cảm lớn lao trong lòng người đọc. Kết quả của bài báo đóng góp tư liệu tham khảo cho việc nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam sau 1975 về đề tài hậu chiến.
Ngày hoàn thiện:	04/4/2025	
Ngày đăng:	04/4/2025	

TỪ KHÓA

Chiến tranh
Bảo Ninh
Cổ mẫu
Tự nhiên
Xã hội

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12053>

Email: duonghtt@hcmue.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

79

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Nhà văn Bảo Ninh thường viết về chiến tranh, về người lính với những kí ức của bản thân ông về cuộc đời bộ đội thời chiến tranh chống Mỹ. Ông đã sáng tác tiểu thuyết “Nỗi buồn chiến tranh” (Thân phận của tình yêu) [1] và nhiều truyện ngắn. Tiểu thuyết “Nỗi buồn chiến tranh” đã đạt giải thưởng của Hội nhà văn Việt Nam năm 1991, được nhiều nhà nghiên cứu đánh giá là một thành tựu của văn học đổi mới cả về giá trị nội dung và nghệ thuật. Tác phẩm này được viết nên từ trải nghiệm của tác giả về chiến tranh và hậu quả của chiến tranh. Con người phải chịu rất nhiều chấn thương do chiến tranh gây ra cả về thể xác lẫn tinh thần. Tuy nhiên, con người vẫn luôn dũng cảm đối mặt với những thử thách khắc nghiệt trong cuộc sống. Tác phẩm là sự nhìn nhận lại về con người: vừa yếu đuối vừa mạnh mẽ, vừa đau thương vừa hạnh phúc, vừa hữu hạn vừa vô hạn. Một trong những yếu tố khiến tác phẩm luôn khiến người đọc đồng cảm là các cổ mẫu (biểu tượng cổ sơ).

Cổ mẫu là thuật ngữ có nguồn gốc từ ngành phân tâm học. Carl Gustav Jung đưa ra thuật ngữ *Archetype*, là “những yếu tố tâm thần không thể cắt nghĩa được bằng một sự việc xảy ra trong đời sống cá nhân, nó hình như bẩm sinh đã có, có từ nguyên thủy, nó là một thành phần trong gia tài tinh thần của nhân loại” [2, tr.96]. Cổ mẫu “vừa là hình ảnh, vừa là xúc động. Người ta chỉ có thể nói đến siêu tượng khi nào hai khía cạnh đó cùng xuất hiện một lúc. Khi nào chỉ có hình ảnh thì siêu tượng chỉ tương đương với một sự tả cảnh không có âm vang gì. Nhưng khi siêu tượng chứa chất xúc động tâm tình thì hình ảnh trở nên huyền nhiệm” [2, tr.142]. Thuật ngữ *Archetype* được dịch ra bằng nhiều thuật ngữ như cổ mẫu, mẫu gốc, biểu tượng nguyên sơ, nguyên mẫu, nguyên tượng, vết tích tối cổ. Trong bài báo này, chúng tôi sử dụng thuật ngữ *cổ mẫu*, là sự kế thừa cách gọi của nhà nghiên cứu Đào Ngọc Chương và cộng sự trong công trình “Huyền thoại và văn học” [3]. Cổ mẫu là những biểu tượng tinh thần của nhân loại - mang tính cảm xúc, khởi đầu, di truyền, bền vững, phổ quát. Khi đi vào tác phẩm văn học, cổ mẫu thể hiện cụ thể thành hình ảnh, mô típ, đề tài, biểu tượng. Cổ mẫu từ quá khứ đến với thời hiện đại phải vượt không gian và thời gian bao la. Vì thế, cổ mẫu khi đi vào tác phẩm văn học có thể sẽ có sự biến đổi nhưng vẫn dựa trên những hình thái và ý nghĩa gốc.

Các công trình nghiên cứu về tiểu thuyết “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh khá đa dạng, có thể kể đến các công trình *Hồi ức và giấc mơ trong “Nỗi buồn chiến tranh” dưới góc nhìn thi pháp học* [4], *Tiểu thuyết “Nỗi buồn chiến tranh” dưới góc nhìn tự sự học* [5], *Chủ đề tình yêu đôi lứa trong văn xuôi viết về chiến tranh của Bảo Ninh* [6], v.v. Một số bài báo khoa học đề cập đến tiểu thuyết “Nỗi buồn chiến tranh” như một đối tượng để phân tích, so sánh: “Sự tổng hợp đặc điểm của các loại hình nghệ thuật trong tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh” của Nguyễn Lâm Điền và cộng sự [7], “Bóng âm của rừng thiêng trong *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh và *Miền hoang* của Sương Nguyệt Minh” của Nguyễn Thùy Trang và Nguyễn Thị Kim Ngân [8], “Nghiên cứu thủ pháp phân mảnh trong hai tác phẩm *Chapaev* và *Pustota* của Victor Pelevin và *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh” của Lưu Thu Trang [9], “Tự do giữa kiếp lưu đày: về tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh” của Phạm Ngọc Lan [10], “Một số hướng nghiên cứu tiểu thuyết hậu chiến ở Việt Nam” của Nguyễn Phương Hà [11]. Việc nghiên cứu các cổ mẫu trong “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh vẫn là một khoảng trống trong nghiên cứu văn học.

Bài báo này trình bày kết quả khảo sát, phân tích hình thái và ý nghĩa của các cổ mẫu tiêu biểu trong tiểu thuyết “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh. Mục đích của việc nghiên cứu này là nhằm góp phần làm rõ cách nhà văn sử dụng các biểu tượng mang tính phổ quát để tái hiện chấn thương của chiến tranh và số phận của con người. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu cổ mẫu còn góp phần lý giải sức hấp dẫn của tác phẩm, cho thấy mối liên hệ giữa “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh với truyền thống văn học và tư tưởng nhân loại.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chính trong bài viết này là phê bình cổ mẫu. Phê bình cổ mẫu nghiên cứu hình thức và ý nghĩa của các cổ mẫu tồn tại trong tác phẩm văn học. Tác giả bài viết này đã

tiến hành khảo sát tác phẩm “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh và xác định các cổ mẫu tiêu biểu trong tác phẩm này. Bài viết trình bày về hình thức, ý nghĩa gốc của cổ mẫu và hình thức, ý nghĩa của cổ mẫu trong tác phẩm “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh.

3. Kết quả và bàn luận

Kết quả khảo sát cho thấy nhiều cổ mẫu xuất hiện trong tiểu thuyết “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh. Tiêu biểu nhất là các cổ mẫu tự nhiên như rừng, nước, bóng đêm và các cổ mẫu xã hội như cái chết, người nữ, mộng.

3.1. Cổ mẫu tự nhiên trong “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh

3.1.1. Cổ mẫu rừng

Cổ mẫu rừng có tính hai mặt huyền bí “*nơi sản sinh ra vừa sự lo lắng vừa sự bình tâm, sự ức hiếp và lòng thiện cảm, cũng như tất cả những biểu hiện mạnh mẽ của sự sống*” [12, tr.787]. Theo Jung, rừng có đặc điểm tối tăm và sự bất rõ ẩn sâu nên “*rừng tượng trưng cho vô thức*” [12, tr.787], con người luôn mang theo sự khiếp sợ đối với rừng.

Trong “Nỗi buồn chiến tranh”, rừng được nhắc tới ngay từ đầu tác phẩm. Kiên quay trở lại chiến trường B3 trong năm đầu tiên sau chiến tranh, nơi đây vẫn hoang vu như những ngày trong chiến tranh “*Và âm thầm lẫn trong tiếng suối là tiếng thở dài của rừng sâu nghe vời vợi xa xôi và tuyệt mù hư ảo như là âm vang vọng lại từ một thời nào đó, như là tiếng của lá vàng rơi trên thảm cỏ từ lâu lắm rồi*” [1, tr.4]. Trong chiến tranh, rừng là nơi tiểu đoàn 27 ẩn náu và chiến đấu. Các thành viên của tiểu đoàn 27 như anh em ruột thịt, họ sát cánh bên nhau trong chiến đấu, thậm chí còn nhường sự sống cho nhau. Rừng đã che chở cho những người lính tránh những thương vong. Khi đêm về, những người lính lại quây quần bên nhau, cùng chia sẻ nỗi nhớ nhà, những khát vọng về tình yêu và sum họp. Rừng chứng kiến và che chở cho những ẩn ức tinh thần của những người lính. Rừng che chở cho những con người muốn thoát khỏi sự đau thương của cuộc sống hiện thực. Đó là Tùng – một người lính của trung đoàn, anh bị điên và ở lại với rừng; là cặp vợ chồng người rừng; là một vài người dân còn sót lại sau những trận dịch. Tuy nhiên, rừng cũng ẩn chứa những sức mạnh phi phàm, ghi dấu những trận chiến oanh liệt nhất của Kiên và đồng đội, cùng chịu những tổn thương nhưng không bao giờ gục ngã. Trong đó, có một lần, giặc đã thả xăng và nã bom na pan khiến cho rừng chết cháy, tiểu đoàn 27 bị giặc bao vây. Trên cao, dùng trực thăng bay rà rà trên ngọn cây để truy sát quân ta. Ở mặt đất, giặc đi thành từng toán, đạn bắn ra như ong, lùng sục tìm người. Tiểu đoàn trưởng đã tự sát để không rơi vào tay giặc. Kiên là người duy nhất sống sót và tiếp tục gia nhập vào một trung đoàn mới, lại tiếp tục chiến đấu cũng ở vùng đất đó. Vùng đó có tên mới là trũng Gội Hồn. Hồn của người và của rừng – sau những tổn thương – đã quyện vào nhau. Rừng không chỉ có hồn cây, hồn của rừng mà còn có những hồn ma của người vẫn còn quanh quẩn. Người ta tin rằng sau những trận đánh ác liệt, vô khối hồn ma còn loang quanh khắp xóm xỉnh bụi bờ chứ chưa chịu về trời. Trũng mịt mù lam chướng. Vào những kì lễ lạt, các toán quân đã chết của tiểu đoàn lại tụ họp trên trăng như là để điểm danh. Tiếng suối chảy, tiếng gió hú chính là tiếng nói của những hồn hoang binh lính mà người cõi dương thường nghe thấy và có thể thấu hiểu. Kiên thường nghe kể vùng này có thể nghe thấy tiếng chim chóc khóc than như con người, các loại măng thì có màu đỏ lôm, những quang sáng đom đóm không lồ ma quái. Khi trung đoàn về náu quân ở vùng này, Kiên và đồng đội đã phải lập bàn thờ và bí mật tổ chức cầu khẩn, cúng giỗ cho các hồn ma của tiểu đoàn 27, lửa nhang ngày đêm lập lòe. Rừng không phải là nơi ở của những người yếu bóng vía “*Có lẽ là núi là rừng chứ không phải con người đã làm nảy sinh ra ở vùng này những huyền thoại rừng rợn, những truyền thuyết man rợ, nguyên thủy nhất về cuộc chiến tranh vừa qua. Nói chung những kẻ yếu bóng vía rất khó sống ở đây. Sống ở đây có thể điên lên hoặc chết rũ vì khiếp sợ*” [1, tr.6]. Như vậy, rừng vừa là nơi thân thuộc, che chở cho Kiên và đồng đội; vừa ẩn chứa những sức mạnh siêu nhiên khiến con người không khỏi khiếp sợ. Cổ mẫu rừng trong “Nỗi buồn chiến

tranh” gắn với những sự kiện, con người của hiện đại nhưng vẫn giữ những nét nghĩa gốc trong tinh thần nhân loại.

3.1.2. Cổ mẫu nước

Cổ mẫu nước thường chia thành nhiều hình thái rõ rệt như biển, sông, suối, đầm, rạch, giếng, mưa, mây, v.v. Theo “Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới: huyền thoại, chiêm mộng, phong tục, cử chỉ, dạng thể, các hình, màu sắc, con số” [12], cổ mẫu nước mang nhiều ý nghĩa nhưng “ý nghĩa tượng trưng của nước có thể quy về ba chủ đề chiếm ưu thế: nguồn sống, phương tiện thanh tẩy, trung tâm tái sinh. Ba chủ đề này thường gặp trong những truyền thuyết cổ xưa nhất và hình thành những tổ hợp hình tượng đa dạng nhất và đồng thời cũng chặt chẽ nhất” [12, tr.709]. Thật vậy, nước có thể mang lại sự sống, sự sinh sôi nảy nở. Trong thần thoại “Cóc kiện Trời” của Việt Nam, chàng Cóc đã lặn lội lên đến tận trời để xin mưa, cứu sống cả thế gian. Nước chảy từ nguồn, nước của sự sống được coi là một biểu tượng về nguồn gốc vũ trụ. Hơn nữa, nước với bản chất thanh khiết có thể thanh lọc vạn vật và năng lực cứu sinh. Cái chết của Trọng Thủy trong giếng ở thành Cổ Loa góp phần thanh lọc tội lỗi cho chàng (truyền thuyết “Mị Châu-Trọng Thủy”). Mô típ lấy nước thần để chữa bệnh rất phổ biến trong truyện dân gian thế giới và “Việc chìm xuống nước có tác dụng tái sinh, làm cho con người ra đời một lần nữa, theo ý nghĩa nước vừa là sự chết vừa là sự sống. Nước xóa hết lịch sử, nó khôi phục con người trong một trạng thái mới. Việc chìm mình trong nước ví như việc chôn Chúa Ki-tô xuống mộ: sau khi bị hạ xuống dưới lòng đất, Chúa đã phục sinh” [12, tr.713]. Mỗi hình hài của nước lại trở thành một cổ mẫu với hình thái, chức năng không phải lúc nào cũng giống nhau mặc dù vẫn dựa trên những nét nghĩa gốc. Trong đó, ở khắp mọi nơi trên thế giới, mưa được xem là tác nhân làm cho đất sinh sản, đất trở nên phì nhiêu, màu mỡ. Những nghi lễ cầu mưa đã trở nên quá quen thuộc với con người từ cổ chí kim.

Trong “Nỗi buồn chiến tranh” (Bảo Ninh), biểu hiện tiêu biểu nhất của cổ mẫu nước là suối, là mưa. Trong tác phẩm này, nét nghĩa “là nguồn sống” của cổ mẫu nước không được tập trung thể hiện như các nét nghĩa khác như “sự thanh tẩy” hay “sự tái sinh”. Kiên và đồng đội đóng quân cạnh một con suối, Kiên hay ra buông câu nhưng không chú trọng được mât mà chỉ để thư thái tâm hồn “Kiên thu mình trong tấm toa lá, bó gối nhìn làn nước cuốn cuộn, không muốn gì và không nghĩ ngợi gì cả” [1, tr.11]. Trong trận đánh cuối cùng của tiểu đoàn 27 lúc tiểu đoàn bị giặc bao vây; rừng bị tổn thương nặng nề với sự phá hoại của kẻ thù. Giặc tầm xăng ướm dẫm rừng, xả bom na pan và đạn vào rừng, gót chân giặc giẫm nát rừng để truy tìm những người lính quân ta. Tiểu đoàn 27 chiến đấu đến cùng nhưng cuối cùng chỉ một mình Kiên sống sót. Sau đó, một trận mưa lớn đã trút xuống, cuốn theo những dấu vết khủng khiếp của cuộc chiến. Cũng trong trận đánh đó, Kiên lặn xuống dòng suối cạn, ngâm mình trong nước nên thoát chết. Sau đó, Kiên gia nhập vào trung đoàn 3, lại tiếp tục chiến đấu. Tuy nhiên, Kiên đã có sự thay đổi: mất đi sự vô tư của tuổi trẻ, Kiên suy nghĩ nhiều hơn về chiến tranh và những đồng đội đã hi sinh, luôn chìm vào sự ưu tư. Dòng suối ấy cũng tiếp tục chứng kiến những trận đánh mới. Người lính đào ngũ Can bị rơi xuống nước, khi được đồng đội tìm thấy thì anh chỉ còn là cái xác đầy những vết thương. Sau đó, không ai nhắc đến tên hay truy cứu Can nữa. Biển, một biểu hiện của nước xuất hiện ít ỏi trong “Nỗi buồn chiến tranh” và được cảm nhận khác với suối hay mưa. Trong buổi liên hoan với các bạn học ngay cạnh biển, Kiên và Phương đều cảm thấy nỗi lo sợ, bất an khi đối diện với khoảng không gian rộng lớn, bí ẩn với những cơn sóng bạc rợn ngợp. Như vậy, trong “Nỗi buồn chiến tranh”, cổ mẫu nước thể hiện những cảm nhận khác nhau của con người về những biểu hiện của nước. Trong đó, suối và mưa được thể hiện nhiều nhất và tập trung thể hiện ở các nét nghĩa “sự thanh tẩy”, “sự tái sinh” của nước.

3.1.3. Cổ mẫu đêm

Nhà nghiên cứu Eliade từng nói rằng “Huyền thoại mô tả những sự đột nhập khác nhau và đôi khi đầy tính kịch của cái thiêng vào thế giới” [13, tr.213] và thời gian trong huyền thoại được

xác định “*Thời gian thiêng là thời gian trong đó thần thánh hiện ra và sáng tạo*” [13, tr.205]. Có thể thấy thời gian thiêng tồn tại trong tác phẩm văn học, trong tín ngưỡng dân gian và tôn giáo cho đến tận ngày hôm nay. Thời gian đêm là một dạng thời gian thiêng: “*Đối với người Hi Lạp, đêm là con gái của hỗn mang và là mẹ của trời (Ouranos) và đất (Gaia). Đêm còn sinh ra giấc ngủ và sự chết, những giấc mơ và mối lo âu, tình âu yếm và sự lừa dối. Đêm hay bị kéo dài thêm theo ý các thần, họ bắt mặt trời và mặt trăng dừng lại để thực hiện tốt hơn các kỳ tích của mình. Đêm đi khắp trời, được che phủ một tấm màn tối trên một cỗ xe đồng bốn ngựa đen, với đoàn thiếu nữ hộ tống, đó là các nữ thần Thịnh nộ (Furies) và Số mệnh (Parques)*” [12, tr.297]. Đêm luôn làm cho con người lo sợ bởi đêm luôn có tính hai mặt: “*mặt tối, nơi đương lên men mọi sự chuyển biến, đi vào đêm tức là trở về với cái chưa xác định trong đó đầy rẫy những ác mộng và quái vật, những ý nghĩ đen tối và mặt trời bị cho ban ngày, ở đó sẽ lóe ra các ánh sáng của sự sống*” [12, tr.298]. Đêm là lúc ánh sáng biến mất “*trạng thái mọi tri thức riêng biệt, phân tích, có thể biểu đạt đều biến mất, hơn nữa, mọi điều hiển nhiên và mọi chỗ dựa tâm lý đều mất đi*” [12, tr.298]. Trong quan niệm dân gian, ban ngày là thời gian con người làm việc, sinh hoạt cùng cộng đồng loài người còn ban đêm là khoảng thời gian của các nhân vật siêu nhiên, của sự trở về với thế giới bí mật của bản thân con người.

Trong tiểu thuyết “*Nỗi buồn chiến tranh*” của Bảo Ninh, cỗ mẩu đêm xuất hiện dày đặc. Đêm là thời gian con người trở về với những đam mê, khát vọng của bản thân mình. Người lính ngoài những giờ phút chiến đấu anh dũng thì cũng có những lúc họ đa sầu đa cảm theo đúng bản chất của con người. Trong thời gian ở trường Gọi Hồn, trong đêm tối, vài đồng đội của Kiên đã băng rừng đi theo tiếng gọi tình yêu với ba cô gái bên bờ thác nước. Đêm cũng là lúc những người lính tâm sự với nhau về gia đình, về tình yêu lứa đôi, về những khát vọng riêng tư mà cháy bỏng. Có những lúc, họ đã mượn những ván bài, mượn khói hồng ma để tạm thời quên đi nỗi sợ hãi, quên đi nỗi cô đơn, để chìm đắm trong trò chơi may rủi của số phận và những ảo giác sum họp hạnh phúc. Trong đêm, Kiên nhớ Phương, người con gái của mối tình đầu, da diết. Trong tác phẩm này, đêm còn là khoảng thời gian mà những hồn ma trở về. Hàng đêm, Kiên vẫn thấy linh hồn Can trở về “*Đêm đêm anh nghe thấy Can trở về thì thảo ngay bên vồng, lập đi lập lại cuộc chuyện trò nhạt nhẽo ở bờ suối chiều hôm nào. Tiếng thì thảo chuyển dần thành tiếng nức nở, thành tiếng nấc nghẹn ỹ như là tiếng nước sặc lên trong họng kẻ sắp sửa chết chìm*” [1, tr.17]. Qua những đêm dài, Kiên nhận ra “*Chao ôi! Chiến tranh là cõi không nhà, không cửa, lang thang khôn khổ và phiêu bạt vĩ đại, là cõi không đàn ông, không đàn bà, là thế giới bạt sâu vô cảm và tuyệt tự khủng khiếp nhất của dòng giống con người!*” [1, tr.21].

Trong nửa phần sau của tiểu thuyết “*Nỗi buồn chiến tranh*” của Bảo Ninh, đêm thường được khắc họa gắn liền với sự cô đơn, lạc loài của Kiên. Anh trở về từ cuộc chiến, đã mất đi nhiều người đồng đội, chịu nhiều tổn thương về thể xác và tinh thần, bị ám ảnh bởi kí ức, không thể hòa nhập vào cuộc sống hiện tại. Đêm là khoảng thời gian Kiên chìm trong nỗi nhớ Phương, nhớ mối tình đầu của tuổi thanh xuân. Anh nhớ tuổi thơ bên gia đình và quãng đời học sinh êm đềm. Anh nhớ về cuộc chiến đã qua, những người đồng đội từng gắn bó, từng nhường sự sống cho anh “*Trong đêm đen của hồi tưởng, Kiên nhìn đăm đăm vào bóng tối như nhìn vào cõi âm và lần lượt thấy lại họ, những con người tuyệt vời, những con người xứng đáng hơn ai hết quyền được sống trên cõi dương này nhưng đã lẳng lặng chấp nhận quy luật đơn giản của chiến tranh: mình chết thì bạn mình sống?*” [1, tr.136]. Anh suy nghĩ về sự được mất của cuộc chiến tranh đối với bản thân mình “*Thực ra thì trong chiến tranh Kiên được hưởng nhiều may mắn hơn là trong thời bình, bởi vì trong chiến tranh anh đã được sống, chiến đấu, trưởng thành lên bên những người đồng chí thật tốt. Tuy nhiên, giá của sự may mắn ấy là anh đã lần lượt mất hết những người bạn, người anh em, người đồng đội chí thiết nhất. Họ bị giết ngay trước mắt Kiên hoặc là đã chết ngay trong vòng tay anh. Nhiều người đã chết để gỡ cho tính mạng Kiên. Nhiều người hy sinh bởi lỗi lầm của anh*” [1, tr.135]. Để vượt qua sự ám ảnh của kí ức, anh chìm trong rượu và những cơn mộng du. Anh cũng tìm đến sự an ủi của một người phụ nữ câm, để trút đi những tâm sự. Đặc biệt, ban đêm, Kiên thường chong đèn viết. Những gì anh viết ra trong đêm không chịu sự chi phối của bất cứ

một ai khác, chỉ theo sự dẫn dắt của kí ức “*Bây giờ Kiên chỉ thuận viết về đêm, bởi vì bây giờ chỉ có trong đêm thôi, anh mới hy vọng có thể viết được một cái gì đấy thực sự là viết và thực sự là của mình mình. Trong đêm mặc dù phải rượu vào triền miên thì bản thân anh mới đủ sức để tỉnh táo nhưng chính trong đêm, nhờ bóng tối mà trí nhớ của anh sáng lên và tỉnh ra hơn bao giờ hết*” [1, tr.81]. Nhiều khi kí ức tuôn trào mãnh liệt, không đúng theo mong muốn của anh. Như vậy, đêm là khoảng thời gian nhân vật quay trở về với chính bản thân mình, quay về với những ám ảnh của bản thân và sự khỏa lấp đi những ám ảnh đó. Trong đêm, nhân vật chiêm nghiệm, nhận thức về bản thân, về một thời quá vãng. Đêm thể hiện những cảm xúc thầm kín nhất của con người.

3.2. Cổ mẫu xã hội trong “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh

3.2.1. Cổ mẫu cái chết

Theo công trình “Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới: huyền thoại, chiêm mộng, phong tục, cử chỉ, dạng thể, các hình, màu sắc, con số” [12], cái chết “*chỉ sự kết thúc tuyệt đối một cái gì đó tích cực: một con người, một con vật, một cây, một tình bạn, một liên minh, một nền hòa bình, một thời đại*” [12, tr.160]. Cái chết như một nghi lễ thụ pháp, có thể là sự dẫn đường cho con người đi vào những thế giới chưa biết. Chính vì sự bí ẩn của thế giới sau khi chết, con người cảm thấy rất sợ hãi đối với cái chết. Cái chết có khả năng giải phóng sự vươn lên của tinh thần. Quyền được sống hay quyền cho chết thuộc về các thần linh.

Trong tiêu thuyết “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh, cái chết luôn ám ảnh nhân vật Kiên. Ngay cả sau chiến tranh, những cái chết vẫn ám ảnh Kiên. Đó là cái chết của đồng đội, đặc biệt là những con người đã hi sinh mạng sống để che chở cho Kiên và đồng đội. Ngay cả cái chết của những người bên kia chiến tuyến vẫn gây ám ảnh xót thương đối với những người lính như Kiên. Sự chấm dứt sự sống của con người, cho dù có nhiều khác biệt với nhau, luôn ám ảnh đối với những người còn lại. Dù biết rằng cuộc đời con người là vĩnh viễn nhưng bản thân con người không thể biết được cái chết sẽ đến lúc nào – nhất là trong thời binh lửa - và sau khi chết thì con người sẽ đi về đâu. Cái chết dường như là sự sắp đặt của số phận. Chính Kiên cũng không hiểu vì sao bản thân anh có thể thoát chết trong những khoảnh khắc gian nguy như vậy “*Cũng vì mang trong đời một định mệnh huyền cơ nào đấy nên anh mới có thể sống sót qua cuộc chiến tranh với những hoàn cảnh mà bình thường ra không thể có cơ hội thoát chết*” [1, tr.35].

Đối với Kiên và những người đồng đội, trong lòng cái chết không phải là địa ngục khủng khiếp. Trong lòng cái chết vẫn là cuộc sống, dĩ nhiên là một kiểu khác của cuộc sống hiện thực. Trong lòng cái chết ta có được sự bình yên, sự thanh thoát và tự do chân chính. Đối với Kiên thì người chết vừa mơ hồ vừa sâu xa hơn người sống. Họ cô đơn, trầm lắng và kỳ diệu, như ảo ảnh. Và đôi khi hương hồn người chết trện hóa thành những âm thanh, những hình bóng. Trong tâm thức Kiên và đồng đội, những cái chết chỉ là sự chấm dứt sự tồn tại về thể xác, còn linh hồn con người vẫn tiếp tục một cuộc sống khác như những người đồng đội vẫn quần quanh vùng chiến địa để phò trợ cho đồng đội của mình. Đêm đêm, Kiên vẫn thấy Can, một người đồng đội đã chết, – hiện về thì thảo ngay bên vông. Và cứ mỗi lần quỳ xuống trước bàn thờ các liệt sĩ của trung đội giấu mọi người, Kiên thầm thảo khẩn gọi linh hồn Can. Bản thân Kiên thì chưa từng nhưng anh em khác trong đội hải cẩu thì đã từng nghe thấy người chết đàn và hát. Sau này, nơi đó chính là nơi đội của Kiên đã tìm thấy bộ hải cẩu liệt sĩ được chôn cùng với cây đàn tự tạo. *Bây giờ ở khắp trung đoàn, trong lán của các tiểu đội đều có bàn thờ cúng tế vong linh đồng đội. Trong khói hương, linh tráng rạp đầu khẩn khứa ". . . Sống khổ chết đau, tử sinh đành nhẽ chung phận lính... xin hôn thiêng phù hộ anh em vượt vòng binh lửa đánh trận rửa thù ..." [1, tr.11].* Hay trung đội của Kiên từng khẩn khứa linh hồn của Thịnh – một người đồng đội đã hi sinh “- *Thịnh ơi, nằm lại nhé với đại ngàn thân yêu. Bọn mình ra đi để bước vào trận mới – vắng vắng tôi nghe giọng nói của chính mình chiều hôm xưa ấy, thay mặt toàn trung đội nói lời từ biệt hương hồn Thịnh - từ lòng sâu đất âm xin bạn thân yêu hãy nghe thấu lời anh em vĩnh biệt. Xin hãy chứng giám và phù hộ cho anh em tung hoành trong đồn bốt quân địch hoàn thành nhiệm vụ. Xin hãy lắng nghe tiếng súng anh em rửa thù cho bạn rồi đây sẽ rung chuyển đất trời...*” [1, tr.31].

Thời hậu chiến, Kiên tham gia vào đội thu nhặt hài cốt liệt sĩ. Người lái xe đã kể về những hồn ma ở trường Gội Hồn “*Trông hoang vu thế thôi chứ dưới đất kia người nằm đã đông chật cả rồi. Mà nói chung ở cả cái B3 này đâu chả nhiều ma quỷ. Tôi lái cho đoàn gom xương nhặt cốt này từ hồi đầu 73 tới giờ mà đã quen nổi với đám hành khách từ trong mồ hiện ra kia đâu. Chẳng đêm nào mà họ không lay mình dậy để chuyện gẫu. Phát khiếp lên được. Đủ loại. Linh cũ. Linh mới. Linh sư 10, sư 2, quân tinh đội, quân cơ động 320, đoàn 559. Thịnh thoảng có các "mộng" tóc dài... Đôi khi chen vào vài anh ngự”* [1, tr.28], “*Buồn lắm. Thương lắm. Ai oán. Dưới mồ sâu người đâu còn là người. Nhìn nhau. Hiểu nhau mà không làm gì được cho nhau”* [1, tr.28]. Kiên dường như cảm nhận sự tồn tại của linh hồn người chết “*Sau những nhát xẻng, dây huyết tối tăm lộ ra và lan hơi thở cuối cùng của người đã khuất phủ lên, nhập vào Kiên. Theo dần năm tháng những luồng sinh khí chết ấy đã đậm lại trong lòng anh, hòa vào tiềm thức trở thành bóng tối của tâm hồn anh. Dằng dặc trôi qua trong hồi ức của Kiên vô vàn những hồn ma thân thiết, lẳng lẳng âm thầm kéo lê mãi trong đời anh nỗi đau buồn chiến tranh”* [1, tr.17]. Kiên và mọi người sững lặng, xúc động đến bàng hoàng khi bắt gặp một bộ hài cốt liệt sĩ nguyên vẹn “*Không ai bảo ai tất cả đều quì xuống, đưa cao tay lên với theo bóng hồn thiêng liêng người đồng đội đã về thân. Đúng lúc bấy giờ trên vòm trời bao la, cuộn cuộn gió mây miền cánh Bắc, một đàn thiên đường cánh đen vừa từ hướng biển lên, đội hình chữ V đều tăm tắp, nhịp nhàng vỗ cánh, thông thả và trang trọng bay vượt qua miền núi non trùng điệp”* [1, tr.62]. Như vậy, cổ mẫu cái chết chủ yếu được tái hiện qua cảm quan của Kiên và những người đồng đội, gắn liền cuộc kháng chiến vừa qua của dân tộc Việt Nam nhưng vẫn thể hiện đầy đủ hình thái và những nét nghĩa gốc của cổ mẫu này trong tâm thức nhân loại.

3.2.2. Cổ mẫu người nữ

Theo công trình “*Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới: huyền thoại, chiêm mộng, phong tục, cử chỉ, dạng thể, các hình, màu sắc, con số*” [12], tính nữ hiện thân cho một phương diện của vô thức gọi là anima, “*anima là hiện thân cho tất cả những khuynh hướng tâm lý nữ tính của tâm hồn con người, ví dụ như là những tình cảm, những tâm trạng mơ hồ, những trực giác tiên đoán, tính nhạy cảm về sự phi lý, năng lực tình yêu cá nhân, tình cảm đối với thiên nhiên và sau cùng – nhưng không phải là kém hơn – là những mối liên hệ với vô thức... Anima cũng có thể tượng trưng cho một ảo mộng về tình yêu, về hạnh phúc, về hơi ấm của người mẹ (cái tổ), một giấc mơ xúi giục con người quay lưng với thực tại”* [12, tr.708].

Trong tiểu thuyết “*Nỗi buồn chiến tranh*” của Bảo Ninh, biểu tượng người nữ tuy thể hiện qua không nhiều nhân vật nhưng đều thể lại sự ảnh hưởng sâu sắc với các nhân vật nam. Người nữ thể hiện tình yêu chân thành, sự chở che và hi sinh của người mẹ, như mặt đất nuôi dưỡng sự sống nhưng luôn chịu nhiều thiệt thòi. Nhân vật Phương là biểu tượng cho tình yêu trong sáng, mãnh liệt và chân thành nhất “*một người bạn gái tươi đẹp, bừng sáng về thanh tân tự tâm hồn, luôn luôn tha thiết, luôn luôn đắm thắm, Phương của anh”* [1, tr.173]. Tình yêu của Phương là niềm an ủi lớn lao để Kiên vượt qua đau thương của chiến tranh để chờ ngày trở về “*Và mặc dù chỉ là trong mơ thôi, nhưng chính ái lực của lòng đắm say không đối đối với nàng đã duy trì cho anh ngọn lửa của tình yêu cuộc sống. Ký ức tình yêu và ký ức chiến tranh kết thành sinh lực và thành thi hứng, giúp anh thoát khỏi cái tâm thường bi đát của số phận anh sau chiến tranh”* [1, tr.117]. Những lời nói của Phương có sức ám ảnh Kiên suốt cả cuộc đời anh. Khi bắt sống được những thám báo đã giết hại ba cô gái của trại tăng gia, Kiên quyết định cho chúng nhận cái chết theo kiểu chết tận mắt, chết tận tay, chết nhìn thấy dây huyết. Vậy mà tới giây phút cuối cùng, móc tay vào cò súng rồi, anh lại tha cho chúng. Không phải vì những lời van xin của chúng mà bởi tự nhiên lúc đó anh chợt nhớ tới Phương. Cuối cùng, anh đã để cho lũ người đó được sống.

Trong thời gian Kiên và đồng đội đóng quân ở trường Gội Hồn, ba cô gái ở trại tăng gia đã an ủi tâm hồn những người lính trong những lúc họ cô đơn nhất. Họ đã phá sự ám áp của tình người trong cơn binh lửa “*Trong lán của bọn anh, ngoài mùi thơm của hồng ma còn thoang thoảng, lạ lạ một làn hương ngậy ngậy, dịu dịu, không có thật và không đàn ông, không lính tráng một chút*

nào, vương vấn mơ hồ, u uẩn trên tóc, trên áo, trong gió...” [1, tr.21]. Ba cô gái ấy cuối cùng đã bị giặc giết hại. Cô giao liên Hòa cũng hi sinh để đánh lạc hướng kẻ thù, để cứu nguy cho các thương binh và bộ đội. Hình bóng cô gái ấy luôn khắc sâu trong tâm trí của người ở lại “*Trong màn sương mù đặc của giấc mơ, tôi chỉ thấy Hòa thấp thoáng, xa vời nhưng với một tình yêu, một niềm đam say và cảm giác gần gũi da diết mà ngay hồi đó tôi không hề cảm thấy*” [1, tr.32]. Những người phụ nữ khác như những người mẹ nuôi quân như mẹ Lành ở Đồi Mơ, người mẹ của Can... luôn chịu đựng, tàn tạ và hi sinh. Người chị gái tên Hạnh bên cạnh Kiên ngày còn đi học, người phụ nữ tên Lan ở Đồi Mơ, cô y tá bị cầm tên Liên ở trạm cứu thương, người phụ nữ cầm giữ lại những bản thảo văn chương của Kiên... tất cả đều khiến Kiên cảm thấy biết ơn từ sâu thẳm trái tim mình. Cổ mẫu người nữ luôn gắn liền với tình yêu, tình thương, gắn liền với sự chờ che và luôn an ủi tinh thần con người.

3.2.3. Cổ mẫu mộng

Theo công trình “*Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới: huyền thoại, chiêm mộng, phong tục, cử chỉ, dạng thể, các hình, màu sắc, con số*” [12], “*Giải thích mộng mị là con đường vương giả nhất để đạt tới hiểu biết lòng người*” [12, tr.164], “*chiêm mộng, cũng như mọi quá trình sống, không chỉ là một chuỗi nhân quả, mà còn là quá trình hướng tới đích... vì vậy ta có thể hỏi ở chiêm mộng – vì nó là một sự tự khảo tả của quá trình đời sống tâm thần – những chỉ báo về những nguyên nhân và những xu hướng khách quan của đời sống tinh thần*” [12, tr.168]. Như vậy, mộng bộc lộ thế giới tinh thần của con người, đặc biệt là những gì con người bị ám ảnh nhưng không thể sẻ chia hay không thể bộc lộ ra để người khác biết.

Tiêu thuyết “*Nỗi buồn chiến tranh*” của Bảo Ninh có rất nhiều giấc mộng, chủ yếu là những giấc mộng của Kiên. Anh luôn mộng về quá khứ. Đó là những buổi lao động giữa chiến tranh ác liệt “*Giữa những cảnh chiến tranh trong mơ đôi khi Kiên vẫn thấy thoáng lên những cảnh sinh hoạt và lao động của đời lính B3. Mùa khô phá rẫy đốt nương. Mùa mưa làm cỏ lúa. Mùa mưa vào rừng nhặt măng hái nấm. Mùa khô giăng lưới bắt cá, đặt bẫy săn thú. Mùa khô đi gùi. Tám lưng to bè, bàn tay chai sạn*” [1, tr.150]. Bên cạnh đó, Kiên cũng mơ những giấc mơ tươi đẹp về ngày còn đi học, ngày còn bên cạnh Phương với tình yêu tươi trẻ chưa gợn chút u sầu “*Trong mơ, trí nhớ khuấy đảo, lật tung lên tất cả, lần tìm trong đó nét niềm đam mê đau buốt, vô hạn độ, vô bờ bến của anh đối với nàng từ tận những thuở hồng hoang xa tít mù tắp thời trai trẻ*” [1, tr.117]. Xuất hiện nhiều nhất trong những giấc mộng của Kiên là những trận đánh ác liệt, sự ra đi thảm khốc của đồng đội. Trong mơ, Kiên thấy đồng đội trở về lay gọi anh, tái hiện những giây phút ác liệt của trận đấu, tâm sự những điều thâm kín nhất. Kiên thường choàng tỉnh nhận ra sự cô đơn của bản thân khi nhiều đồng đội không còn nữa, sự sống sót của anh và hòa bình của ngày hôm nay được đánh đổi bằng công sức thậm chí là xương máu của không biết bao nhiêu người.

Những giấc mộng này là chỉ báo cho đời sống tinh thần của nhân vật. Nhân vật Kiên mộng thấy những gì đã diễn ra trong quá khứ chứ không phải trong hiện tại hay tương lai. Kiên bị ám ảnh bởi quá khứ và không thể hòa nhập được với cuộc sống hiện thực. Những tổn thương thể xác và tinh thần quá nặng nề đã khiến Kiên mắc kẹt trong kí ức của chính bản thân mình.

4. Kết luận

Bài báo này phân tích tiêu thuyết “*Nỗi buồn chiến tranh*” của Bảo Ninh từ góc nhìn cổ mẫu. Trong tác phẩm, các cổ mẫu tiêu biểu được thể hiện qua hai nhóm chính: cổ mẫu tự nhiên như rừng, nước, bóng đêm... và cổ mẫu xã hội như cái chết, người nữ, giấc mộng... Các cổ mẫu này vừa mang những nét nghĩa gốc trong huyền thoại vừa mang những nét nghĩa mới của thời hiện đại. Các cổ mẫu này đã góp phần giúp nhà văn Bảo Ninh khắc họa chiến tranh bằng cách thể hiện góc nhìn của nhân vật Kiên – một người lính trở về từ cuộc chiến. Các cổ mẫu góp phần thể hiện những ám ảnh của kí ức nhân vật về cuộc chiến đã qua và những trải nghiệm của nhân vật sau chiến tranh. Nhân vật luôn cố gắng vượt qua những gian khổ của cuộc chiến tranh và những chấn thương do chiến tranh để lại. Điều này khẳng định khát vọng sống hòa bình và hạnh phúc luôn

tồn tại trong mỗi con người, đặc biệt là những con người thuộc cộng đồng vừa bước ra khỏi chiến tranh. Các cổ mẫu này đã góp phần giúp tác phẩm “Nỗi buồn chiến tranh” thể hiện những vấn đề nhân bản của loài người và khơi gợi sự đồng cảm lớn lao trong lòng người đọc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] B. Ninh, *Noi buon chien tranh* (novel). Young Publishing House, Hanoi, 2015.
- [2] C. G. Jung, *Subconscious exploration* (Vu Dinh Luu translated). Knowledge Publishing House, Hanoi, 2007.
- [3] Ho Chi Minh City National University, *Myth and Literature*, Ho Chi Minh City National University Publishing House, Ho Chi Minh City, 2007.
- [4] T. S. Luong, “Memories and dreams in “The sorrow of war” from a poetics perspective,” Master's Thesis, University of Social Sciences and Humanities - Vietnam National University, Hanoi, 2015.
- [5] T. Y. H. Nguyen, “The novel “The sorrow of war” from a narrative perspective,” Master's Thesis, University of Social Sciences and Humanities - Vietnam National University, Hanoi, 2016.
- [6] A. T. Hoang, “The theme of love in Bao Ninh's war prose,” Master's Thesis, Thai Nguyen University, 2020.
- [7] V. D. Lam and T. H. H. Nguyen, “The synthesis of art forms in the novel “The sorrow of war” by Bao Ninh,” *Journal of Science – Can Tho University*, vol. 48, pp. 33-39, 2017.
- [8] T. T. Nguyen and T. K. N. Nguyen, “The shadow of the sacred forest in “The sorrow of war” of Bao Ninh and “The wilderness” of Suong Nguyet Minh,” *Literary Research Journal*, no. 9, pp. 94-102, 2022.
- [9] T. T. Luu, “Research on the method of fragmentation in “Chapae and Pustota” by Victor Pelevin and “The sorrow of war” by Bao Ninh,” *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 229, no. 08, pp. 306-313, 2024.
- [10] N. L. Pham, “Freedom in exile: On Bao Ninh's novel “The sorrow of war,” *Journal of Science – Ho Chi Minh City University of Education*, vol. 14, no. 2, pp. 63-67, 2017.
- [11] P. H. Nguyen, “Some research directions on post-war novels in Vietnam,” *Journal of Science – Ha Noi University of Education*, vol. 65, pp. 11-17, 2020.
- [12] J. Chevalier and A. Gheerbrant, *Dictionary of world cultural symbols: Myths, dreams, customs, gestures, forms, shapes, colors, numbers* (Pham Vinh Cu, Nguyen Xuan Giao, Luru Huy Khanh, Nguyen Ngoc, Vu Dinh Phong, Nguyen Van Vy translated), Da Nang Publishing House, Danang, 2002.
- [13] M. Eliade, “The sacred and the profane,” (Do Lai Thuy introduced, Huyen Giang translated), *Foreign literary magazine*, vol. 2, pp. 198-222, 2005.